



## KĨ NĂNG HỢP TÁC TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Nguyễn Thị Diễm My\**

*Khoa Tâm lý học - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*

*Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-12-2016; ngày phân biên đánh giá: ngày 15-12-2016; ngày chấp nhận đăng: 27-4-2017*

### TÓM TẮT

*Bài viết đề cập thực trạng kĩ năng (KN) hợp tác trong học tập của sinh viên (SV) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy biểu hiện của KN hợp tác trong học tập của SV với giảng viên (GV) ở mức khá cao, trong khi đó KN hợp tác trong học tập của SV với SV khác ở mức trung bình. Trong các KN bộ phận của KN hợp tác trong học tập, SV có sự phát triển của KN giải quyết vấn đề và KN lắng nghe, còn hạn chế ở KN truyền thông và KN quản lí cảm xúc.*

**Từ khóa:** kĩ năng, kĩ năng hợp tác, kĩ năng hợp tác trong học tập.

### ABSTRACT

#### *Collaborative skill in learning of students in HCMC University of Education*

*The article discusses the collaborative skill in learning of students of HCMC University of Education. Research results show that collaborative skill in learning of students with lecturer is at a high level, while collaboration skill in learning of student with other students is at average level. Among the compartment skills of collaborative skill in learning, students show development of problem solving skills and listening skills and are limited in communication skills and emotional management skills.*

**Keywords:** skill, collaborative skill, collaborative skill in learning.

### 1. Đặt vấn đề

Vấn đề đổi mới giáo dục đã được đưa vào Nghị quyết của các Đại hội Đảng Khóa IX, X, XI và được thể chế hóa bằng Luật Giáo dục. Đặc biệt, Nghị quyết 14/2005/NQ-CP về đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 đã ghi rõ: “Triển khai đổi mới phương pháp đào tạo theo 3 tiêu chí: trang bị cách học, phát huy tính chủ động, sáng tạo và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học”. Như vậy, mục tiêu đào tạo ở các trường đại học không chỉ là mang lại cho SV kiến thức khoa học và KN nghề nghiệp,

mà còn trang bị cho họ phương pháp học tập, hình thành khả năng thích ứng xã hội, trở thành người có năng lực lao động sáng tạo và biết cách học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

KN học tập đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập ở trường, nó quyết định chất lượng học tập của mỗi SV. Có rất nhiều KN học tập, một trong những KN học tập có thể mang lại hiệu quả cao trong học tập đó là KN hợp tác. Bởi, hợp tác là một phẩm chất quý báu của người lao động và càng quan trọng hơn trong xã hội hiện đại. Nó là mục tiêu của giáo dục (học để

\* Email: diemmytgd@gmail.com

cùng chung sống), giúp mỗi người có thể hòa nhập cộng đồng xã hội, để tiến bộ, thành đạt trong cuộc sống và nghề nghiệp tương lai.

Ở Trường ĐHSP TPHCM hiện nay, việc đổi mới phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ về nội dung, chương trình dành nhiều thời gian cho SV tự học và làm việc theo nhóm. SV phải chung sức với nhau để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Hơn nữa, chuẩn đầu ra mong muốn của các trường ĐHSP trong cả nước được công bố rộng rãi trên các website ngoài các mục tiêu: kiến thức, KN, ngoại ngữ, tin học... đều có “KN làm việc cùng nhau, KN chia sẻ và hợp tác”. Xuất phát từ những lí do nêu trên, việc nghiên cứu thực trạng KN hợp tác trong học tập của SV Trường ĐHSP TPHCM sẽ góp phần quan trọng trong việc đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường nói riêng và giáo dục Việt Nam nói chung.

## 2. Nội dung

### 2.1. Khái niệm kỹ năng học tập trong học tập

Khái niệm *kỹ năng học tập* trong học tập được xem là khái niệm trọng tâm trong việc nghiên cứu KNHT trong học tập. Thông qua việc tìm hiểu tài liệu, chúng tôi cho rằng KNHT trong học tập của SV là khả năng vận dụng những tri thức, kinh nghiệm của SV về hợp tác (hợp tác là gì, làm thế nào để hợp tác hiệu quả...) để thực hiện có kết quả một nhiệm vụ, một hành động học tập của ít nhất hai người, nhằm lĩnh hội những tri thức, KN, kỹ xảo nghề nghiệp.

KNHT trong học tập của SV được biểu hiện trong mối quan hệ giữa SV với

GV, giữa SV với SV thông qua mức độ thực hiện các KN bộ phận: KN lắng nghe, KN truyền thông, KN thảo luận, KN giải quyết vấn đề, KN quản lí cảm xúc và KN giải quyết xung đột.

### 2.2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phối hợp nhiều phương pháp khác nhau, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp nghiên cứu chính.

Bảng hỏi được chia làm 2 phần nhằm tìm hiểu thực trạng KNHT trong học tập của SV với GV, của SV với SV khác. Cụ thể:

- Gồm 42 tiêu chí đánh giá mức độ biểu hiện các KN bộ phận (KN lắng nghe, KN truyền thông, KN thảo luận, KN giải quyết vấn đề, KN quản lí cảm xúc và KN giải quyết xung đột) của KNHT trong học tập giữa SV với GV theo 5 mức: không bao giờ, hiếm khi, thỉnh thoảng, thường xuyên, rất thường xuyên.

- Gồm 71 tiêu chí đánh giá mức độ biểu hiện các KN bộ phận (KN lắng nghe, KN truyền thông, KN thảo luận, KN giải quyết vấn đề, KN quản lí cảm xúc và KN giải quyết xung đột) của KNHT trong học tập giữa SV với SV khác theo 5 mức: không bao giờ, hiếm khi, thỉnh thoảng, thường xuyên, rất thường xuyên.

Khách thể nghiên cứu gồm 222 SV Trường ĐHSP TPHCM được chọn ngẫu nhiên theo năm thứ.

### 2.3. Kết quả nghiên cứu

#### 2.3.1. KNHT trong học tập của SV với GV

##### 2.3.1.1. Đánh giá chung về KNHT trong học tập của SV với GV (xem Bảng 1)

**Bảng 1.** Đánh giá chung về KNHT trong học tập của SV với GV

Mức độ	Điểm quy đổi	Tần số	Tỉ lệ %
Rất thấp	0 – 33	9	4,1
Thấp	34 – 67	29	13,1
Trung bình	68 – 100	74	33,3
Cao	101 – 134	84	37,8
Rất cao	135 – 168	26	11,7
<b>Tổng</b>		<b>222</b>	<b>100,0</b>

Đánh giá chung được thực hiện dựa trên 42 biểu hiện của KNHT trong học tập được cho điểm từ 0 đến 4. Điểm tổng sẽ có giá trị thấp nhất là 0, cao nhất là 168 được quy đổi thành 5 mức độ như trong Bảng 1. Kết quả đánh giá chung về KNHT trong học tập của SV với GV như sau: hơn một nửa khách thể trong mẫu nghiên cứu đạt mức trung bình và cao về KNHT trong học tập với GV (71,1%); 11,7% SV biểu hiện KNHT hợp tác trong học tập với GV ở mức rất cao và 17,2% SV rơi vào mức thấp và rất thấp.

So sánh kết quả tự đánh giá của SV với kết quả đánh giá chung về KNHT trong học tập của SV với GV cho thấy có sự

khác biệt tương đối. Đa số SV tự đánh giá KNHT trong học tập với GV ở mức trung bình (60,8%) và chỉ có khoảng 20% ở mức cao và rất cao trong khi thực tế đa số SV đạt mức cao (37,8%) và rất cao (11,7%). Như vậy, SV tự đánh giá KNHT của bản thân với GV thấp hơn so với những gì mà các bạn có thể làm được. GV M.M.H. cho biết “SV *sự phạm rất ngoan, lễ phép và hợp tác tốt trong học tập với GV*”. Cùng quan điểm nêu trên, GV N.T.N. đánh giá “*Đa phần SV sự phạm khá hợp tác với GV*”.

2.3.1.2. *Đánh giá về KNHT trong học tập của SV với GV theo từng KN bộ phận (xem Bảng 2)*

**Bảng 2.** Đánh giá về KNHT trong học tập của SV với GV theo từng KN bộ phận

STT	KN bộ phận	ĐTB chung	ĐLC	Xếp hạng
1	Khi GV giảng bài, hướng dẫn (biểu hiện KN lắng nghe)	2,60	0,87	2
2	Khi trình bày ý kiến, thắc mắc về bài học với GV (biểu hiện KN truyền thông)	<b>1,99</b>	0,88	5
3	Khi GV tổ chức thảo luận chung toàn lớp (biểu hiện KN thảo luận nhóm lớn)	2,73	0,84	1
4	Khi GV giao nhiệm vụ học tập (biểu hiện KN giải quyết vấn đề)	2,73	0,84	1
5	Trong quá trình tương tác, thể hiện cảm xúc với GV (biểu hiện KN quản lí cảm xúc)	2,56	0,86	3
6	Khi xuất hiện mâu thuẫn với GV (biểu hiện KN giải quyết xung đột)	2,53	0,96	4
	<b>Điểm trung bình chung</b>	<b>2,52</b>		

Bảng 2 cho thấy điểm trung bình (ĐTB) chung của các nhóm biểu hiện là 2,52, thuộc mức “thường xuyên”. Nội trội nhất là biểu hiện KN thảo luận nhóm lớn khi GV tổ chức thảo luận chung toàn lớp và KN giải quyết vấn đề khi GV giao nhiệm vụ học tập (xếp ở vị trí cao đầu tiên với điểm trung bình là 2,73). SV L.M.T. (Khoa Lịch sử) chia sẻ: “*Từ khi vào đại học, em thường xuyên phải giải quyết các nhiệm vụ học tập theo nhóm do đó KN thảo luận và KN giải quyết vấn đề theo yêu cầu của GV sớm được phát triển so với các KN khác*”.

Xếp hạng 2 là KN lắng nghe khi GV giảng bài, hướng dẫn. Khi quan sát giờ học môn Pháp luật đại cương, Tâm lý học đại cương của SV có thể nhận thấy hầu hết SV đều tập trung nghe giảng, không nói chuyện và làm ồn. Đây là biểu hiện của KN lắng nghe, một trong những KN bộ phận của KNHT trong học tập của SV với GV.

Xếp hạng 3 và 4 là KN quản lý cảm xúc trong quá trình tương tác, thể hiện cảm xúc với GV và KN giải quyết xung đột khi xuất hiện mâu thuẫn với GV, ĐTB của hai KN này cũng gần bằng nhau, đều trên 2,5. Như vậy SV đã biết cách biểu hiện cảm xúc phù hợp trong quá trình hợp tác với GV cũng như có khả năng giải quyết xung đột có thể xảy ra trong quá trình hợp tác.

Cuối cùng là KN truyền thông khi trình bày ý kiến, thắc mắc về bài học với GV, có thể thấy hầu hết SV vốn đã quen với lối dạy và học truyền thống nên nhiều bạn không có thói quen trình bày quan điểm của mình, hoặc không dám tranh luận với GV trong giờ học. Điều này ảnh hưởng đến sự biểu hiện KN truyền thông trong khi hợp tác với GV, do đó ĐTB = 1,99 xếp hạng cuối cùng trong bảng.

### 2.3.2. KNHT trong học tập của SV với SV khác

#### 2.3.2.1. Đánh giá chung về KNHT trong học tập của SV với SV khác (xem Bảng 3)

**Bảng 3. Đánh giá chung về KNHT trong học tập của SV với SV khác**

Mức độ	Điểm quy đổi	Tần số	Tỉ lệ %
Rất thấp	Từ 0 đến 56	6	2,7
Thấp	Từ 57 đến 113	58	26,1
Trung bình	Từ 114 đến 170	104	46,8
Cao	Từ 171 đến 227	42	18,9
Rất cao	Từ 228 đến 284	12	5,4
<b>Tổng</b>	<b>284</b>	<b>222</b>	<b>100,0</b>

Đánh giá chung về KNHT trong học tập của SV với SV khác được thực hiện trên 71 biểu hiện của các KN bộ phận, được cho điểm từ 0 đến 4, điểm tổng thấp nhất là 0, điểm cao nhất là 284. Tổng điểm của 71 biểu hiện được phân thành 5 mức

độ từ rất thấp đến rất cao theo quy ước như ở Bảng 3. Kết quả tổng hợp cho thấy gần 2/3 khách thể đạt từ mức trung bình trở xuống về KNHT trong học tập với SV khác; trong đó, số SV ở mức trung bình chiếm gần phân nửa trên tổng số khách thể,

46,8% SV đạt mức trung bình, còn lại chưa đến 25% SV ở mức cao và rất cao. Do đó KNHT trong học tập của SV với SV khác có ĐTB khá thấp.

So sánh với tự đánh giá của SV về KNHT trong học tập của SV với SV khác cũng cho thấy có sự khác biệt tương đối. SV khá tự tin khi đánh giá về KN này với SV khác, song đánh giá chung ở 71 biểu

hiện được đề cập thì có phần thấp hơn. Điều này cho thấy tuy đôi khi SV nhận thức rằng mình đã hợp tác tốt với SV khác nhưng xét về các biểu hiện thì còn khá nhiều hạn chế.

2.3.2.2. *Đánh giá về KNHT trong học tập của SV với SV khác theo từng nhóm biểu hiện (xem Bảng 4)*

**Bảng 4.** Các nhóm biểu hiện KNHT trong học tập của SV với SV khác

STT	NHÓM BIỂU HIỆN	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
1	Khi thành viên cùng nhóm trình bày (biểu hiện KN lắng nghe)	2,34	0,83	3
2	Khi trình bày quan điểm, thông tin (biểu hiện KN truyền thông)	2,03	0,85	5
3	Khi thảo luận cùng các thành viên khác (biểu hiện KN thảo luận)	2,42	0,83	2
4	Khi thực hiện nhiệm vụ đã được phân công (biểu hiện KN giải quyết vấn đề)	2,53	0,83	1
5	Trong quá trình tương tác, thể hiện cảm xúc với các thành viên khác (biểu hiện KN quản lý cảm xúc)	2,00	0,94	6
6	Khi nhóm hợp tác xuất hiện những xung đột (biểu hiện KN giải quyết xung đột)	2,09	0,85	4

Bảng 4 cho thấy ĐTB của các nhóm biểu hiện ở mức trung bình và đều xếp ở mức thỉnh thoảng trừ KN giải quyết vấn đề khi thực hiện nhiệm vụ được phân công. Các nhóm biểu hiện xếp ở vị trí 1, 2, 3 là KN giải quyết vấn đề, KN thảo luận và KN lắng nghe đều có ĐTB trên 2,24, trong đó KN giải quyết vấn đề được biểu hiện thường xuyên nhất.

ĐTB của các nhóm còn lại dao động từ 2,09 xuống 1,79 với thứ tự giảm dần về ĐTB là KN giải quyết xung đột, KN truyền thông, KN quản lý cảm xúc. Rõ ràng ĐTB

của từng nhóm biểu hiện ở mức trung bình. Khảo sát một vài ý kiến phỏng vấn, SV L.T.N.T. cho biết: *“Bình thường khi làm việc nhóm với các bạn khác em đều có vận dụng những KN như lắng nghe, truyền thông, thảo luận, giải quyết vấn đề... Đôi khi e phải kiềm chế cảm xúc của mình hoặc để ý cảm xúc của các bạn khác. Tuy nhiên, đôi lúc em thấy khó chịu và không muốn hợp tác với các bạn nữa”*.

### 3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung, KNHT trong học tập của SV với

GV đạt mức khá cao, trong khi đó KNHT trong học tập của SV với SV khác ở mức trung bình. Trong các KN bộ phận của KN hợp tác trong học tập, SV có sự phát triển ở KN giải quyết vấn đề và KN lắng nghe. Hai KN bộ phận mà SV còn hạn chế là KN truyền thông và KN quản lí cảm xúc khi hợp tác.

Dựa trên kết quả nghiên cứu này, SV có thể nhận ra những kỹ năng còn yếu kém trong học tập, đồng thời tìm kiếm những giải pháp cho bản thân để hoàn thiện những kỹ năng còn yếu kém, góp phần đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Thành Hưng. (2002). *Dạy học hiện đại- lý luận, biện pháp, kỹ thuật*, Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Đặng Thành Hưng. (2004). “Hệ thống kỹ năng học tập hiện đại”, *Tạp chí Giáo dục*, (78), tr.25-27.
- Đặng Thành Hưng. (2010). “Nhận diện và đánh giá kỹ năng”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*.
- Bùi Thị Xuân Lụa. (2013). *Biện pháp phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học.
- Phan Trọng Ngọ. (chủ biên). (2003). *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2010, [http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=82&mode=detail&document\\_id=14954](http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=82&mode=detail&document_id=14954)
- Nguyễn Thị Thanh. (2013). *Dạy học theo hướng phát triển kỹ năng học tập hợp tác cho sinh viên đại học sư phạm*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục.
- Hendrick. J. (1995). *The whole Child*, Merrill, an imprint of Prentice Hall Englewood Cliffs, New Jersey Columbus, Ohio.
- Johnson D. W. & Johnson R. T. (1991). *Learning Together and Alone: Cooperative, Competitive, and Individualistic Learning*, Interaction Book Company, Endina.